

Bản án số: 50/2024/DSST

Ngày 27-5-2024

“V/v tranh chấp HĐ góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Hồng Phong
2. ông Võ Đức Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS ngày 19/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Võ Thị Thu H, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1978
2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Lý Phương T1, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2024, ngày 29/02/2024 và trong quá trình tố tụng của vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày: bà H và bà Lê Thị T có quan hệ họ hàng, bà Lý Phương T1 trước đây là đại lý vé số, bà H lấy vé số của đại lý bà

T1 bán nên quen biết nhau. Khi bà T1 tổ chức hội có rủ bà H tham gia, do bà H có uy tín nên bà T1 mới cho tham gia hội. Bà T và ông V muốn tham gia hội bà T1 nhưng bà T1 không cho nên bà T và ông V nhờ bà H tham gia hội dùm bà T và ông V. Khi tham gia hội bà T1 không cho ghi tên bà T và ông V mà phải ghi tên bà H vì bà T1 chỉ biết bà H và gom hội bà H chứ không biết bà T và ông V còn bà H chơi hội dùm ai đó là chuyện của bà H. Hội khai lần một bà T và ông V gửi tiền bà H đóng hội, đến lần hai bà T và ông V kêu bà H bỏ phiếu hốt hội, bà H cũng làm theo yêu cầu của bà T và ông V. Sau khi hốt hội bà T1 giao hội đầy đủ cho bà H, khi giao hội bà T1 có viết giấy giao hội cho bà H ký nhận và bà H xin bà T1 một bản chưa ký tên để bà H đưa cho bà T và ông V ký nhận. Bà T tên thường gọi ở nhà là Lê Thị G nên khi nhận tiền thì bà T ký nhận nhưng không ghi tên Lê Thị T mà ghi tên Lê Thị G. Bà H tham gia hội dùm bà T một phần, hội 10.000.000 đồng, hội có 22 phần, hốt hội ở kỳ thứ 2 với số tiền là 164.000.000 đồng. Sau khi hốt hội bà T và ông V đưa tiền cho bà H đóng hội chết được hai lần thì ngưng. Bà H choàng hội cho bà T đến kỳ thứ 12 thì bà H nộp đơn khởi kiện bà T và ông V với số tiền choàng hội là 90.000.000 đồng, 40.000.000 đồng tiền vay, hội 5.000.000 đồng bà H chơi dùm bà T và ông V nhưng còn nợ 16.300.000 đồng và bà T làm chủ hội đây hội 3.000.000 đồng, bà H tham gia hai phần nhưng hội ngưng bà T còn nợ bà H 82.140.000, tổng cộng bà T và ông V phải trả cho bà H là 228.440.000 đồng đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2023/QĐST-DS ngày 26/4/2023. Hội đã mãn, bà H đã choàng hội cho bà T và ông V 10 kỳ với số tiền 100.000.000 đồng, nhiều lần bà H yêu cầu bà T và ông V trả tiền nợ hội nhưng bà T và ông V cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay bà H yêu cầu bà T và ông V trả tiền nợ choàng hội là 100.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo về phiên hòa giải nhưng ông V, bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và cũng không tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Phương T1 trình bày: bà T1 nghe bà H nói bà H chơi hội dùm bà T và ông V; bà T và ông V chỉ đóng hội chết được 2 lần thì ngưng không đóng hội nữa. Hội khai lần 2 thì bà H hốt hội, bà T1 giao đủ hội cho bà H, từ khi khai hội đến khi mãn hội bà T1 không có giao dịch với bà T và ông V về việc hốt hội và đóng hội đều do bà H giao dịch với bà T1 còn việc nói bà T đóng hội được hai lần thì ngưng là cũng do bà H kể với bà T1 chứ bà T1 không có nhận bất kỳ khoản tiền hội nào của bà T. Hiện tại hội đã mãn, bà H đóng hội chết đầy đủ đến khi mãn hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật của thẩm phán xây dựng hồ sơ đúng trình tự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa thể hiện khách quan. Về ý kiến giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: bà Võ Thị Thu H yêu cầu bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V trả tiền nợ choàng hui, như vậy tranh chấp giữa bà H với bà T và ông V là tranh chấp hợp đồng góp hui. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Tại thời điểm giao kết hợp đồng góp hui, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ đang có hiệu lực thi hành nên được áp dụng để giải quyết tranh chấp.

Bị đơn là bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V đã được thông báo việc mở phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

yêu cầu khởi kiện của bà H thấy rằng: bà H đứng tên tham gia dùm bà T và ông V nhưng sau khi hót hui bà T và ông V không đóng hui chết nên bà H phải choàng hui.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2023/QĐST-DS ngày 26/4/3023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã buộc bà T và ông V trả cho bà H số tiền hui mà bà H đã choàng là 09 kỳ. Nay bà H tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà T và ông V trả số tiền choàng hui của 10 kỳ còn lại.

Do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà T và ông V trả cho bà H toàn bộ số tiền choàng hui là 100.000.000đ là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà T và ông V phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 14, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thu H đối với bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V về hợp đồng góp hui.

Buộc bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V phải liên đới trả cho bà Võ Thị Thu H 100.000.000 đồng tiền hui.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V phải liên đới chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Thu H không phải chịu án phí, hoàn trả cho Võ Thị Thu H 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008215 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 27 tháng 5 năm 2024. Bị đơn, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy